Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 5506.20.00

Mã HS	5506.20.00
Mô tả hàng hóa	Xơ staple tổng hợp, đã chải thô, chải kỹ hoặc gia công cách khác để kéo sợi / - Từ các polyeste
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 07:08:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/55062000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8476
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8476
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8476
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-CN)	0% (trừ CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E8090
ATIGA	2022	2022	0	AT!E8044
ATIGA	2023	2023	0	AT!F8044
ATIGA	2024	2024	0	AT!G8044
ATIGA	2025	2025	0	AT!H8044
ATIGA	2026	2026	0	AT!I8044
ATIGA	2027	2027	0	AT!J8044
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E8094
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F8094

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G8094
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H8094
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I8094
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J8094
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E8095
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F8095
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G8095
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H8095
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I8095
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J8095
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F8096
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H8050
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F8057
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G8057
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H8057
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I8057
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J8057
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K8057
VKFTA	2022	2022	0	VK!E8079
VKFTA	2023	2023	0	VK!F8079
VKFTA	2024	2024	0	VK!G8079
VKFTA	2025	2025	0	VK!H8079
VKFTA	2026	2026	0	VK!I8079
VKFTA	2027	2027	0	VK!J8079
VCFTA	2022	2022	0	VC!D8126
VCFTA	2023	2023	0	VC!E8126

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F8126
VCFTA	2025	2025	0	VC!G8126
VCFTA	2026	2026	0	VC!H8126
VCFTA	2027	2027	0	VC!I8126
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D8106
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E8106
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F8106
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G8106
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H8106
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I8106
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D8119
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E8119
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F8119
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G8119
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H8119
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I8119
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D8123
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E8123
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F8123
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G8123
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H8123
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I8123
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D8123
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E8123
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F8123
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G8123

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H8123
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I8123
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D8074
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E8074
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F8074
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G8074
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H8074
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I8074
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J8074
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D8111
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E8111
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F8111
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G8111
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H8111
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I8111
RCEP B	2022	2022	0	B!D8111
RCEP B	2023	2023	0	B!E8111
RCEP B	2024	2024	0	B!F8111
RCEP B	2025	2025	0	B!G8111
RCEP B	2026	2026	0	B!H8111
RCEP B	2027	2027	0	B!I8111
RCEP C	2022	2022	0	C!D8111
RCEP C	2023	2023	0	C!E8111
RCEP C	2024	2024	0	C!F8111
RCEP C	2025	2025	0	C!G8111
RCEP C	2026	2026	0	C!H8111

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I8111
RCEP D	2022	2022	0	D!D8111
RCEP D	2023	2023	0	D!E8111
RCEP D	2024	2024	0	D!F8111
RCEP D	2025	2025	0	D!G8111
RCEP D	2026	2026	0	D!H8111
RCEP D	2027	2027	0	D!I8111
RCEP E	2022	2022	0	E!D8114
RCEP E	2023	2023	0	E!E8114
RCEP E	2024	2024	0	E!F8114
RCEP E	2025	2025	0	E!G8114
RCEP E	2026	2026	0	E!H8114
RCEP E	2027	2027	0	E!I8114
RCEP F	2022	2022	0	F!D8111
RCEP F	2023	2023	0	F!E8111
RCEP F	2024	2024	0	F!F8111
RCEP F	2025	2025	0	F!G8111
RCEP F	2026	2026	0	F!H8111
RCEP F	2027	2027	0	F!I8111
VIFTA	2024	2024	0	VI!F7488
VIFTA	2025	2025	0	VI!G7488
VIFTA	2026	2026	0	VI!H7488
VIFTA	2027	2027	0	VI!I7488

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AIFTA 5%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (0%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 0%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5506.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 5506.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8476), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.